



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

*Thành viên độc lập của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH  
VÀ THIẾT BỊ BÌNH THUẬN**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025**

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 28



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 đã được soát xét.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/01/2025 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2025: 11.000.000.000 đồng (Trong đó, phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ).

### **Thông tin về việc hủy tư cách công ty đại chúng và hủy niêm yết cổ phiếu**

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 52/GCN-TTGDHN ngày 28/11/2008 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là BST. Ngày chính thức giao dịch là ngày 18/12/2008.

Ngày 17/04/2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty đã thông qua việc hủy tư cách công ty đại chúng và hủy niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) do không đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ theo quy định.

Ngày 14/07/2025, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có văn bản số 3415/UBCK-GSDC về việc hủy tư cách Công ty đại chúng của Công ty

Ngày 04/08/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cũng đã có Thông báo số 3494/TB-SGDHN về việc hủy bỏ niêm yết bắt buộc cổ phiếu BST của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận. Theo đó, ngày giao dịch cuối cùng của cổ phiếu BST trên HNX là 28/8/2025 và ngày 29/8/2025 chính thức hủy niêm yết.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 70 Nguyễn Văn Trỗi – Phường Phan Thiết - Tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại: (84) 252 3816 118
- Fax: (84) 252 3817 595
- Website: [www.stbbt.com.vn](http://www.stbbt.com.vn)

### **Lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp**

- Bán buôn sách giáo khoa; Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh đồ chơi trẻ em.
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư vốn hoạt động tài chính;



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 33 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

### Hội đồng quản trị

• Ông Vũ Bùi Biên	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2025
• Ông Hoàng Thọ Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/04/2025
• Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2025
• Ông Lê Trung Phi	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2025
• Ông Trần Hữu Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/04/2025
• Ông Nguyễn Văn So	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020 Miễn nhiệm ngày 17/04/2025
• Ông Trần Văn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 14/10/2024 Miễn nhiệm ngày 17/04/2025

### Ban kiểm soát

• Ông Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2025
• Ông Nguyễn Vũ Công Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/04/2025
• Ông Vương Trí Thịnh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 17/04/2025
• Ông Lê Trung Nhân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020 Miễn nhiệm ngày 17/04/2025

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Minh Hà	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020
• Ông Trần Hữu Sơn	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2020
• Ông Nguyễn Khoa Tuyền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 28/05/2020

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

SÁCH VÀ THIẾT BỊ

BÌNH THUẬN

Nguyễn Minh Hà

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 08 năm 2025





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 951/2025/BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 12/08/2025 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

#### Trụ sở chính:

Lô 78 - 80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng  
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887

#### Chi nhánh:

Tầng 2, Số 132 - 134 Nguyễn Gia Trí, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>24.344.325.114</b>	<b>23.503.022.429</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.246.883.265</b>	<b>2.765.846.243</b>
1. Tiền	111	5	1.246.883.265	2.765.846.243
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>7.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	7.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.313.815.144</b>	<b>774.708.604</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.044.614.330	556.385.607
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	311.696.225	11.206.117
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	56.949.513	314.561.804
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(99.444.924)	(107.444.924)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>18.783.626.705</b>	<b>12.962.467.582</b>
1. Hàng tồn kho	141		19.294.300.264	13.567.734.854
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(510.673.559)	(605.267.272)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.916.395.806</b>	<b>2.019.715.476</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.188.475.806</b>	<b>1.291.795.476</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.188.475.806	1.291.795.476
- Nguyên giá	222		4.021.939.467	4.021.939.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.833.463.661)	(2.730.143.991)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	-
- Nguyên giá	228		83.000.000	83.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(83.000.000)	(83.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		210.725.800	210.725.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(210.725.800)	(210.725.800)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>727.920.000</b>	<b>727.920.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	727.920.000	727.920.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>26.260.720.920</b>	<b>25.522.737.905</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.584.701.969</b>	<b>10.160.258.632</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.584.701.969</b>	<b>10.160.258.632</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	8.668.084.213	6.577.904.145
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	1.402.100.051	204.605.782
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	105.164.643	111.343.414
4. Phải trả người lao động	314		705.611.805	2.101.096.801
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	280.141.362
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	92.786.510	49.407.381
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		610.954.747	835.759.747
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>14.676.018.951</b>	<b>15.362.479.273</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>14.676.018.951</b>	<b>15.362.479.273</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.000.000.000	11.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		112.410.011	112.410.011
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.847.286.092	2.310.911.155
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	716.322.848	1.939.158.107
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		302.783.170	756.374.937
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		413.539.678	1.182.783.170
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>26.260.720.920</b>	<b>25.522.737.905</b>



Nguyễn Minh Hà

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	31.193.289.583	35.682.134.895
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	13.284.440	478.685.569
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		31.180.005.143	35.203.449.326
4. Giá vốn hàng bán	11	23	27.960.195.940	31.575.829.489
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>3.219.809.203</u>	<u>3.627.619.837</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	72.427.331	289.676.974
7. Chi phí tài chính	22	25	14.112.000	29.617.000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	1.772.149.028	2.136.334.065
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	988.231.246	1.035.934.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>517.744.260</u>	<u>715.411.467</u>
11. Thu nhập khác	31	27	11.967.402	548.234
12. Chi phí khác	32		16.470	70.391.293
13. Lợi nhuận khác	40		<u>11.950.932</u>	<u>(69.843.059)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>529.695.192</u>	<u>645.568.408</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	116.155.514	173.687.353
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>413.539.678</u>	<u>471.881.055</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	376	339
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	376	339



Nguyễn Minh Hà

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		28.889.270.689	33.857.900.139
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(33.559.095.847)	(41.471.117.253)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.565.639.567)	(4.047.018.450)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(96.842.360)	(214.001.035)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		798.921.171	1.376.695.500
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.062.710.383)	(1.796.681.023)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7.596.096.297)</b>	<b>(12.294.222.122)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(200.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		7.000.000.000	10.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,24	177.133.319	391.347.013
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>7.177.133.319</b>	<b>10.191.347.013</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19	(1.100.000.000)	(1.430.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.100.000.000)</b>	<b>(1.430.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.518.962.978)</b>	<b>(3.532.875.109)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	2.765.846.243	5.318.477.315
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>1.246.883.265</b>	<b>1.785.602.206</b>



Nguyễn Minh Hà

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyền

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyền



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Thuận thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận theo Quyết định số 2734/QĐ-CTUBBT ngày 07/06/2004 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4803000042 ngày 01/09/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/01/2025 với mã số doanh nghiệp là 3400393632), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính

- Bán buôn sách giáo khoa; Phát hành các loại ấn phẩm;
- Bán buôn thiết bị giáo dục, văn phòng phẩm;
- Kinh doanh đồ chơi trẻ em.
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư vốn hoạt động tài chính;

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 (bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

#### ***Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### ***Dự phòng***

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê thường xuyên và tính theo phương pháp giá bán lẻ với giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	Hết khấu hao



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	Hết khấu hao

### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến các luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.13 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT:
  - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, từ điển,... áp dụng mức thuế suất 5%;
  - ✓ Các mặt hàng khác như văn phòng phẩm, lịch, thiết bị ... áp dụng mức thuế suất 10%. Từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025, Công ty áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% đối với các mặt hàng được quy định tại Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.19 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền**

	30/06/2025	01/01/2025
Tiền mặt	514.361.000	21.323.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	732.522.265	2.744.523.243
<b>Cộng</b>	<b>1.246.883.265</b>	<b>2.765.846.243</b>

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty TNHH Bán lẻ Phương Nam - CN Phan Thiết	471.423.615	-
Hoàng Thị Hương	361.451.421	-
Võ Thị Thanh Thùy	313.579.737	-
Các đối tượng khác	2.898.159.557	556.385.607
<b>Cộng</b>	<b>4.044.614.330</b>	<b>556.385.607</b>

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty TNHH SX - TM - DV Tân Thuận Tiến	230.742.507	-
Công ty TNHH SX - TM Tương Lai	69.747.651	-
Các đối tượng khác	11.206.067	11.206.117
<b>Cộng</b>	<b>311.696.225</b>	<b>11.206.117</b>

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	-	-	122.890.411	-
Tạm ứng	30.130.000	-	6.839.891	-
Ký quỹ, ký cược	24.285.149	-	181.779.386	-
Phải thu khác	2.534.364	-	3.052.116	-
<b>Cộng</b>	<b>56.949.513</b>	<b>-</b>	<b>314.561.804</b>	<b>-</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Số đầu kỳ	107.444.924	328.430.234
Trích lập trong kỳ	-	-
Hoàn nhập trong kỳ	8.000.000	12.919.000
<b>Số dự phòng cuối kỳ</b>	<b>99.444.924</b>	<b>315.511.234</b>

### 10. Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	19.294.300.264	(510.673.559)	13.567.734.854	(605.267.272)
<b>Cộng</b>	<b>19.294.300.264</b>	<b>(510.673.559)</b>	<b>13.567.734.854</b>	<b>(605.267.272)</b>

- Giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất, khó tiêu thụ tại ngày 30/06/2025 là 871.973.240 đồng. Hiện nay công ty đang có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại ngày 30/06/2025.

### 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	1.984.596.285	1.624.878.182	412.465.000	4.021.939.467
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.984.596.285</b>	<b>1.624.878.182</b>	<b>412.465.000</b>	<b>4.021.939.467</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	1.623.300.799	708.394.848	398.448.344	2.730.143.991
Khấu hao trong kỳ	14.746.752	83.316.666	5.256.252	103.319.670
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.638.047.551</b>	<b>791.711.514</b>	<b>403.704.596</b>	<b>2.833.463.661</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	361.295.486	916.483.334	14.016.656	1.291.795.476
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>346.548.734</b>	<b>833.166.668</b>	<b>8.760.404</b>	<b>1.188.475.806</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 2.095.284.283 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2025.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định vô hình

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính có nguyên giá 83.000.000 đồng, đã khấu hao hết.

### 13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>		
Số đầu kỳ	210.725.800	210.725.800
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>210.725.800</b>	<b>210.725.800</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	-	-
<b>Số đánh cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- Bất động sản đầu tư là nhà cho thuê tại 13 Nguyễn Du có nguyên giá 210.725.800 đồng, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025.
- Không có bất động sản đầu tư đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2025.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động		Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	30/06/2025			01/01/2025		
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương (i)	Đang hoạt động	3%	30.000	300.000.000	-	-	300.000.000	-	-
Công ty CP Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (BMD)(ii)	Đang hoạt động	1,55%	42.792	427.920.000	-	513.504.000	427.920.000	-	620.484.000
Cộng				727.920.000	-	513.504.000	727.920.000	-	620.484.000

- (i) Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty Cổ phần Sách TBGD Bình Dương có vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích dự phòng.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (mã chứng khoán BMD) được xác định căn cứ theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 30/06/2025.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	5.702.181.146	5.304.498.532
Các đối tượng khác	2.965.903.067	1.273.405.613
<b>Cộng</b>	<b>8.668.084.213</b>	<b>6.577.904.145</b>

### Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2025	01/01/2025
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	5.702.181.146	5.304.498.532
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP.HCM	Chung Công ty đầu tư	62.366.400	72.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	246.207.520	81.760.799
<b>Cộng</b>		<b>6.010.755.066</b>	<b>5.458.259.331</b>

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2025	01/01/2025
Nguyễn Thị Mai	99.074.289	-
Trường Tiểu học Hàm Tiến	74.045.216	-
Các đối tượng khác	1.228.980.546	204.605.782
<b>Cộng</b>	<b>1.402.100.051</b>	<b>204.605.782</b>

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	17.810.287	26.274.883	30.915.508	-	13.169.662
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	70.752.013	116.155.514	96.842.360	-	90.065.167
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.781.114	113.731.695	134.582.995	-	1.929.814
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	40.707.136	40.707.136	-	-
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>111.343.414</b>	<b>301.869.228</b>	<b>308.047.999</b>	<b>-</b>	<b>105.164.643</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2025	01/01/2025
Kinh phí công đoàn	6.484.727	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	69.170.402	-
Phải trả khác	17.131.381	49.407.381
<b>Cộng</b>	<b>92.786.510</b>	<b>49.407.381</b>

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	11.000.000.000	112.410.011	2.213.696.100	2.186.374.937	15.512.481.048
Tăng trong kỳ	-	-	97.215.055	1.620.250.917	1.717.465.972
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.867.467.747	1.867.467.747
<b>Số dư tại 31/12/2024</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>2.310.911.155</b>	<b>1.939.158.107</b>	<b>15.362.479.273</b>
Số dư tại 01/01/2025	11.000.000.000	112.410.011	2.310.911.155	1.939.158.107	15.362.479.273
Tăng trong kỳ	-	-	536.374.937	413.539.678	949.914.615
Giảm trong kỳ	-	-	-	1.636.374.937	1.636.374.937
<b>Số dư tại 30/06/2025</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>112.410.011</b>	<b>2.847.286.092</b>	<b>716.322.848</b>	<b>14.676.018.951</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2025	01/01/2025
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.400.000.000	4.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	6.600.000.000	6.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	11.000.000.000	11.000.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>1.430.000.000</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### d. Cổ phiếu

	30/06/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.100.000	1.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.100.000	1.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.939.158.107	2.186.374.937
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	413.539.678	471.881.055
Phân phối lợi nhuận	1.636.374.937	1.430.000.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	1.636.374.937	1.430.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	536.374.937	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.100.000.000	1.430.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>716.322.848</b>	<b>1.228.255.992</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 49/NQ-ĐHCD-2025 ngày 17/04/2025.

### f. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 17/04/2025 đã thông qua phương án chia cổ tức với tỷ lệ 12% vốn điều lệ (tương ứng 1.320.000.000 đồng). Công ty đã chi trả cổ tức là 10% vốn điều lệ (tương ứng 1.100.000.000 đồng) trong 6 tháng đầu năm 2025, phần còn lại chưa chi trả.

## 20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Thẩm định giá BTA Việt Nam	90.400.000	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Quản lý Dự án Kiên Long	43.250.000	Nợ không thu hồi được
Đỗ Đình Nam	52.832.481	Nợ không thu hồi được
Nguyễn Thị Ngọc	57.791.666	Nợ không thu hồi được
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quốc tế ECENTER Phan Thiết	30.000.000	Nợ không thu hồi được
Trường Tiểu học Bắc Ruộng 1	24.192.140	Nợ không thu hồi được
Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	27.667.090	Nợ không thu hồi được
Các đối tượng khác	525.146.461	Nợ không thu hồi được
<b>Cộng</b>	<b>851.279.838</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Doanh thu bán sách giáo khoa	25.145.523.962	28.549.985.310
Doanh thu bán sách tham khảo	772.746.823	622.087.436
Doanh thu bán thiết bị giáo dục	956.647.507	2.486.200.417
Doanh thu bán hàng hóa khác	4.226.706.844	3.844.446.989
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ khác	91.664.447	179.414.743
<b>Cộng</b>	<b>31.193.289.583</b>	<b>35.682.134.895</b>

**22. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Hàng bán bị trả lại	13.284.440	478.685.569
<b>Cộng</b>	<b>13.284.440</b>	<b>478.685.569</b>

**23. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Giá vốn sách giáo khoa	23.462.968.471	26.618.125.126
Giá vốn sách tham khảo	502.106.152	390.475.582
Giá vốn thiết bị giáo dục	709.101.493	1.473.886.664
Giá vốn hàng hóa khác	3.286.019.824	3.093.342.117
<b>Cộng</b>	<b>27.960.195.940</b>	<b>31.575.829.489</b>

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.242.908	190.342.904
Chiết khấu thanh toán	18.184.423	99.334.070
<b>Cộng</b>	<b>72.427.331</b>	<b>289.676.974</b>

**25. Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	14.112.000	29.617.000
<b>Cộng</b>	<b>14.112.000</b>	<b>29.617.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân công	1.101.315.819	1.248.822.114
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.256.252	5.256.252
Chi phí tuyên truyền quảng cáo, môi giới	86.861.338	49.583.300
Các khoản khác	578.715.619	832.672.399
<b>Cộng</b>	<b>1.772.149.028</b>	<b>2.136.334.065</b>

**b. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân công	580.945.201	666.874.279
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	98.299.397	100.220.528
Chi phí khấu hao TSCĐ	98.063.418	14.746.752
Các khoản khác	210.923.230	254.092.720
<b>Cộng</b>	<b>988.231.246</b>	<b>1.035.934.279</b>

**27. Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Thu hồi khoản công nợ khó đòi đã xử lý	11.805.000	-
Thu nhập khác	162.402	548.234
<b>Cộng</b>	<b>11.967.402</b>	<b>548.234</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	529.695.192	645.568.408
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	51.082.381	53.215.811
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không được trừ)	51.082.381	53.215.811
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	580.777.573	698.784.219
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>116.155.514</b>	<b>173.687.353</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	116.155.514	139.756.843
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	33.930.510

**29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	413.539.678	471.881.055
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(99.095.022)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	99.095.022
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	413.539.678	372.786.033
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.100.000	1.100.000
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>376</b>	<b>339</b>

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” 6 tháng đầu năm 2025 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông cũng như Điều lệ Công ty không quy định cụ thể tỷ lệ trích quỹ. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cụ thể. Do đó, số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định phân phối lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông sau này.

Chỉ tiêu “Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” 6 tháng đầu năm 2024 được trình bày lại căn cứ vào số liệu trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 17/04/2025.

**30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Chi phí nhân công	1.682.261.020	1.915.696.393
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.319.670	20.003.004
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.975.366	172.664.168
Chi phí khác bằng tiền	854.824.218	1.063.904.779
<b>Cộng</b>	<b>2.760.380.274</b>	<b>3.172.268.344</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là khu vực tỉnh Bình Thuận cũ (nay thuộc tỉnh Lâm Đồng), Việt Nam.

### 32. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Công ty thường vay cán bộ công nhân viên khi cần bổ sung vốn lưu động hoặc vay ngắn hạn ngân hàng. Đây là những khoản vay với lãi suất thỏa thuận, ổn định và có tính chất tạm thời. Do đó, Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu là sách, thiết bị trường học từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động thương mại, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Để quản lý rủi ro biến động về giá cả, công ty đã ký kết các hợp đồng nguyên tắc với mức chiết khấu phù hợp và ổn định. Mặt khác, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động kinh doanh ở mức thấp.

##### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Công ty bán hàng theo hai phương thức sau: thông qua các đại lý và trực tiếp bán tại các cửa hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp tùy vào các phương thức bán hàng:

- Bán hàng qua các đại lý: Các đại lý được khuyến khích trả tiền sớm để hưởng các mức chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán tốt, trước khi nhận hàng phải trả dứt điểm đợt hàng trước.
- Bán hàng trực tiếp: Thu bằng tiền mặt, không có rủi ro tín dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.668.084.213	-	8.668.084.213
Phải trả khác	17.131.381	-	17.131.381
<b>Cộng</b>	<b>8.685.215.594</b>	<b>-</b>	<b>8.685.215.594</b>

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.577.904.145	-	6.577.904.145
Chi phí phải trả	280.141.362	-	280.141.362
Phải trả khác	49.407.381	-	49.407.381
<b>Cộng</b>	<b>6.907.452.888</b>	<b>-</b>	<b>6.907.452.888</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.246.883.265	-	1.246.883.265
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Phải thu khách hàng	3.945.169.406	-	3.945.169.406
Phải thu khác	26.819.513	-	26.819.513
<b>Cộng</b>	<b>5.218.872.184</b>	<b>727.920.000</b>	<b>5.946.792.184</b>

01/01/2025	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.765.846.243	-	2.765.846.243
Đầu tư tài chính	-	727.920.000	727.920.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000.000	-	7.000.000.000
Phải thu khách hàng	448.940.683	-	448.940.683
Phải thu khác	307.721.913	-	307.721.913
<b>Cộng</b>	<b>10.522.508.839</b>	<b>727.920.000</b>	<b>11.250.428.839</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

		Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam		Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM		Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam		Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam		Chung Công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch		6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
<b>Mua hàng</b>			
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách các loại, thiết bị trường học	19.775.348.204	22.009.574.104
Công ty CP Sách và TBTH TP HCM	Thiết bị trường học	68.287.156	504.222.971
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách các loại	6.268.469.564	6.304.660.081
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Cổ tức đã chia	440.000.000	572.000.000

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Nội dung	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
Ông Vũ Bùi Biền	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	9.000.000	7.200.000
Ông Nguyễn Minh Hà	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.200.000	7.200.000
	Giám đốc	Lương, thưởng	186.845.100	146.328.500
Ông Hoàng Thọ Cường	Thành viên HĐQT	Thù lao	3.600.000	-
Ông Trần Hữu Sơn	Thành viên HĐQT	Thù lao	3.600.000	-
	Phó Giám đốc	Lương, thưởng	106.952.400	87.787.300
Ông Lê Trung Phi	Thành viên HĐQT	Thù lao	7.200.000	7.200.000
Ông Nguyễn Văn So	Thành viên HĐQT	Thù lao	3.600.000	7.200.000
Ông Trần Văn Hưng	Thành viên HĐQT	Thù lao	3.600.000	9.000.000
Ông Nguyễn Khoa Tuyển	Thư ký HĐQT	Thù lao	7.200.000	7.200.000
	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	151.945.200	120.779.900
Ông Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban kiểm soát	Thù lao	4.800.000	4.800.000
Ông Nguyễn Vũ Công Minh	Thành viên BKS	Thù lao	1.800.000	-
Ông Vương Trí Thịnh	Thành viên BKS	Thù lao	3.600.000	3.600.000
Ông Lê Trung Nhân	Thành viên BKS	Thù lao	1.800.000	3.600.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

#### *Thông tin về việc hủy tư cách công ty đại chúng và hủy niêm yết cổ phiếu*

Ngày 17/04/2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty đã thông qua việc hủy tư cách công ty đại chúng và hủy niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) do không đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ theo quy định.

Ngày 14/07/2025, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã có văn bản số 3415/UBCK-GSDC về việc hủy tư cách Công ty đại chúng của Công ty.

Ngày 04/08/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cũng đã có Thông báo số 3494/TB-SGDHN về việc hủy bỏ niêm yết bắt buộc cổ phiếu BST của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận. Theo đó, ngày giao dịch cuối cùng của cổ phiếu BST trên HNX là 28/8/2025 và ngày 29/8/2025 chính thức hủy niêm yết.

Ngoài ra không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Nguyễn Minh Hà

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Tuyên

Người lập biểu

Nguyễn Khoa Tuyên